

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự án Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập; Gói thầu: Mua sắm tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin năm 2026 của Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà: Nguyễn Thị Hà, Phó Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị y tế (Điện thoại: 0988.474.789)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại: Bộ phận chuyên viên phòng Quản trị - Thiết bị y tế, Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập. Địa chỉ: Số 153, đường Nguyễn Tất Thành, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. (trong giờ hành chính)

- Nhận qua email: hanguyenqp15@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 09 tháng 9 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 21 tháng 9 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị:

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Nâng cấp, bổ sung hạ tầng mạng			
1.1	Hệ thống sàn nâng	Hệ thống sàn nâng	M2	25
		Tấm sàn đặc		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		- Kích thước: $\geq 600 \times \geq 600 \times \geq 35 \text{mm}$		
		- Chân cao hoàn thiện sàn: $\geq 200 \text{mmH}$		
		- Tải trọng tập trung: $\geq 4450 \text{N}$		
		- Tải dàn đều: $\geq 23000 \text{N/m}^2$		
		Chân sàn nâng cao $\geq 200 \text{mm}$		
		Thanh giằng đan khung		
		V inox làm mặt dựng		
		Nở chân đế		
		Tay hít sàn nâng		
1.2	Cải tạo hệ thống mạng			
	Tủ rack 42U gồm thanh nguồn	Tủ rack 42U gồm thanh nguồn	Cái	1
		Kích thước $\geq H2050 \times \geq W600 \times \geq D1000$		
		Tủ làm bằng thép tấm dày từ 0.8 đến 1.5mm, sơn tĩnh điện chống gỉ 100%.		
		≥ 02 quạt gió, ≥ 01 ổ cắm 6 chấu.		
		Kết cấu tháo rời, dễ dàng tháo lắp.		
		Cánh cửa lưới giúp quan sát thiết bị bên trong.		
		Hệ thống bánh xe và chân tăng giúp dễ dàng di chuyển và cố định tủ		
	Tủ rack 6U	Tủ rack 6U	Cái	4
		Kích thước $\geq H320 \times \geq W540 \times \geq D500$.		
		Tủ làm bằng thép tấm dày từ 0.8 đến 1.5mm, sơn tĩnh điện chống gỉ 100%.		
		≥ 01 quạt gió, ≥ 01 ổ cắm 3 chấu.		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		Kết cấu tủ hàn liền.		
		Hệ thống treo tường		
	Bấm lại dây, Đánh nhãn	Bấm lại dây, đi lại dây, Đánh nhãn	Cái	80
	Dây quang ống lồng 4FO		Mét	1000
		Dây quang ống lồng 4FO		
	Cáp mạng Cat6 UTP	Cáp mạng Cat6 UTP	Mét	4000
		Cáp mạng Cat6 UTP Twisted pair, 23AWG, 4 pair Hỗ trợ tốc độ lên đến Gigabit Ethernet Đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn sau: ANSI/TIA-568.2-D, ISO/IEC 11801, UL 444, EN 50173 Vỏ ngoài bọc PVC hoặc tương đương		
	Ống nẹp ghen 24x14	Ống nẹp ghen 24x14	Mét	1000
	Di dời máy chủ	Di dời máy chủ	Gói	1
1.3	Thiết bị hệ thống mạng			
	Switch Acess	Switch Acess	Chiếc	8
		Cổng LAN: 24 cổng 10/100/1000		
		Cổng Uplink: 4 cổng 10 Gigabit SFP+		
		Loại Switch: Layer 3 Managed, Rack-mount, Fanless		
		Switching Capacity: 128 Gbps		
		Forwarding Rate: 95.23 mpps		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		Quản lý: CLI, SSH, Telnet, WebUI, App Mobile		
	Module quang 10G		Chiếc	16
	Wifi		Chiếc	30
		- Chuẩn Wi-Fi: IEEE 802.11ax (Wi-Fi 6), hỗ trợ Smart Antenna hoặc công nghệ tương đương		
		- Băng tần: Dual-band, hoạt động đồng thời trên 2,4 GHz và 5 GHz		
		- Tổng tốc độ Wi-Fi tối đa: $\geq 2,975$ Gbps		
		- Số luồng không gian: $\geq 2 \times 2$ MIMO hoặc cấu hình tương đương		
		- Cổng mạng: $\geq 1 \times 100\text{M}/1\text{GE RJ45}$		
		- Nguồn cấp: Hỗ trợ cấp nguồn qua Ethernet PoE theo chuẩn IEEE 802.3af/802.3at hoặc tương đương		
		- Số lượng thiết bị kết nối: ≥ 128 (có khả năng hỗ trợ từ 256 thiết bị kết nối)		
		- Số lượng thiết bị kết nối đồng thời: 100		
		- Bán kính phủ sóng tối ưu: 20m		
		- Tính năng:		
		MU-MIMO, OFDMA		
		Bảo mật WPA3		
		Quản lý tập trung, hỗ trợ nhiều SSID		
		Chế độ làm việc: Fit, Fat và quản lý đám mây		
	Controller quản lý wifi	Controller quản lý wifi	Cái	1
		Số lượng và loại cổng mạng: ≥ 05 cổng Ethernet RJ45, bao gồm ≥ 01 cổng WAN tốc độ 10/100/1000 Mbps và ≥ 04 cổng LAN tốc độ 10/100/1000 Mbps, hoặc cấu hình tương		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		đương đáp ứng đầy đủ chức năng WAN/LAN và tốc độ yêu cầu		
		Quản lý: ≥ 32 AP		
	Switch POE 4 Port	Switch POE 4 Port	Chiếc	10
		Cổng kết nối: ≥ 04 cổng PoE Gigabit Ethernet, tốc độ 10/100/1000 Mbps và ≥ 02 cổng Uplink Gigabit Ethernet.		
		Tự động nhận diện và tương thích với chuẩn IEEE 802.3af/802.3at hoặc tương đương, Tổng công suất PoE ≥ 65 W;		
		Truyền dẫn khoảng cách xa: ≥ 250 m ở chế độ mở rộng		
		Vỏ kim loại; Chống Sét		
		Nguồn 100-240VAC		
1.4	Vật tư triển khai			
	Dây nhảy quang	Dây nhảy quang	Chiếc	6
	ODF 4FO	- Loại thiết bị: Hộp phối quang (ODF) dùng cho hệ thống cáp quang, dung lượng tối thiểu 4FO. - Vật liệu vỏ: Nhựa ABS hoặc tương đương - Phụ kiện đi kèm: Bộ sản phẩm bao gồm tối thiểu: 01 vỏ hộp ODF, ≥ 04 dây hàn quang (pigtail) phù hợp, ≥ 04 adapter/coupler quang, ≥ 04 ống co nhiệt bảo vệ mối hàn.	Chiếc	12
	Phụ kiện lắp đặt	Phụ kiện lắp đặt	Gói	1
1.5	Nhân công	Nhân công		
	Lắp đặt thiết bị hạ tầng mạng	Nhân công - Lắp đặt thiết bị hạ tầng mạng	Gói	1
	Lắp đặt vật tư hạ tầng mạng	Nhân công - Lắp đặt vật tư hạ tầng mạng	Gói	1

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
II	Mua sắm thiết bị CNTT	Mua sắm thiết bị CNTT		
2.1	Thiết bị tường lửa (Firewall) + lic 1 năm	Thiết bị tường lửa (Firewall) + lic 1 năm	Chiếc	1
		Cổng mạng SFP/SFP+: ≥ 02 cổng SFP/SFP+ hỗ trợ tốc độ 1/2,5/5/10 GbE hoặc tương đương		
		Cổng RJ-45: ≥ 8		
		Cổng USB: ≥ 2		
		Cổng Console (RJ45): ≥ 1		
		Thông lượng hệ thống: $\geq 4,5$ Gbps		
		Thông lượng NGFW: $\geq 2,5$ Gbps		
		Thông lượng bảo vệ chống mối đe dọa: $\geq 2,2$ Gbps		
		Thông lượng Firewall (1518/512/64 byte UDP): ≥ 28 / ≥ 28 / $\geq 27,9$ Gbps		
		Độ trễ Firewall (64 byte UDP): ≤ 4 μ s		
		Thông lượng Firewall (số gói/giây): $\geq 41,85$ Mpps		
		Số phiên đồng thời (TCP): ≥ 3 triệu		
		Số phiên mới/giây (TCP): ≥ 124.000		
		Thông lượng IPsec VPN (512 byte): ≥ 25 Gbps		
		Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến $\geq 40^{\circ}\text{C}$ (32°F đến $\geq 104^{\circ}\text{F}$)		
2.1	Máy chủ chuyên dụng (Máy chủ HIS, LIS)	Máy chủ chuyên dụng (Máy chủ HIS, LIS)	Bộ	1

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		CPU: 2x Intel Xeon Gold 5416S 16C 2.0GHz 30MB Cache 150W hoặc tương đương		
		RAM: $\geq 4 \times 32\text{GB}$ RAM 5600 RDIMM		
		SSD: $\geq 3 \times \text{SSD HPE} \geq 1.9\text{TB SATA 2.5''}$		
		HDD: $\geq 3 \times \text{Ổ cứng HDD Dell} \geq 2.4 \text{ TB} \geq 10\text{KRPM SAS 2.5''}$		
		NIC: Card Intel I350-T4 hoặc tương đương		
		Phụ kiện: Heatsink for CPU2		
		Module: tối thiểu 2 x Tranceiver SFP+ SR 10G		
		PSU: $\geq 2 \times 800\text{W}$		
2.2	Máy chủ chuyên dụng (Máy chủ EMR, PACS)	Máy chủ chuyên dụng (Máy chủ EMR, PACS)	Bộ	1
		CPU: 2x Intel Xeon Gold 5416S 16C 2.0GHz 30MB Cache 150W hoặc tương đương		
		RAM: $\geq 4 \times 32\text{GB}$ RAM 5600 RDIMM		
		SSD: $\geq 3 \times \text{SSD HPE} \geq 1.9\text{TB SATA 2.5''}$		
		HDD: $\geq 3 \times \text{Ổ cứng HDD Dell} \geq 2.4 \text{ TB} \geq 10\text{KRPM SAS 2.5''}$		
		NIC: Card Intel I350-T4 hoặc tương đương		
		Phụ kiện: Heatsink for CPU2		
		Module: tối thiểu 2 x Tranceiver SFP+ SR 10G		
		PSU: $\geq 2 \times 800\text{W}$		
2.3	Bộ Máy tính để bàn	Bộ Máy tính để bàn	Bộ	50
		Bộ vi xử lý: Hiệu năng tương đương Intel® Core™ i5 14450HX Processor hoặc cao hơn		
		Khe cắm mở rộng: $\geq 1 \times \text{PCIe 4.0 x16 slot}$, $\geq 1 \times \text{PCIe x4 slot}$		
		Cổng kết nối phía sau, tối thiểu có: $\geq 4 \times \text{USB 3.x}$, $\geq 2 \times \text{USB 2.0}$, $\geq 2 \times \text{HDMI}$, $\geq 1 \times \text{DisplayPort}$, $\geq 1 \times \text{LAN (RJ45)}$, $\geq 3 \times \text{cổng âm thanh HD (Line-in, Front Speaker, Microphone)}$		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		Cổng kết nối bên trong, tối thiểu có: ≥ 2 x SATA 6Gb/s, ≥ 2 x M.2 (M Key), ≥ 1 x M.2 Wi-Fi & Bluetooth, ≥ 1 x USB 3.x, ≥ 1 x USB 2.0, ≥ 1 x F_Panel, ≥ 1 x COM, ≥ 1 x Front panel audio connector, ≥ 1 x TPM header, ≥ 1 x CPU Fan Connector, ≥ 3 x SYS Fan Header, ≥ 1 x 24PIN ATX Power Connectors, ≥ 1 x 8PIN 12V Power Connector, Chẩn đoán lỗi: Tích hợp hệ thống đèn LED (Tích hợp 4 đèn chuẩn đoán lỗi) hoặc tương đương		
		Cổng kết nối mặt trước, tối thiểu có: ≥ 2 cổng âm thanh vào - ra, ≥ 1 x USB 3.x, 2 x USB 2.0		
		Bộ nhớ Ram: ≥ 8 GB DDR4		
		Ổ cứng SSD: SSD ≥ 512 GB		
		Giao tiếp mạng: Gigabit LAN 10/100/1000Mbps		
		Bàn phím cổng USB (Đồng bộ thương hiệu với Case máy tính) : Bộ cục Windows 104 phím mở rộng (tổng 123 phím & con lăn tăng giảm âm lượng), độ dài dây kết nối $\geq 1,8$ m		
		+ Phím nóng: 19 phím nóng Internet và đa phương tiện		
		+ Khóa màn hình, Sleep máy bằng 1 nút nhấn trên bàn phím, Tắt nguồn bằng cách nhấn giữ 3s nút nguồn trên bàn phím		
		+ Phím Copilot gọi nhanh trợ lý AI trong Windows 11 Pro hoặc các ứng dụng của Microsoft		
		+ Hub USB tích hợp bao gồm: 1 x USB Type C, 1 x USB 3.0 Type A, 1 x Audio out		
		Chuột cổng USB (Đồng bộ thương hiệu với Case máy tính): Cảm biến 1600 Dpi, độ dài dây kết nối $\geq 1,8$ m		
		Hệ điều hành: Windows 11 Pro (Bản quyền)		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		Màn hình (Đồng bộ thương hiệu với Case máy tính):		
		+ Kích thước: ≥ 21.5 inch		
		+ Độ phân giải: Full HD, 1920*1080@120Hz		
		+ Cổng kết nối, tối thiểu có: VGA, HDMI		
2.4	Hệ thống Kios thông minh	Hệ thống Kios thông minh	Bộ	1
		- Màn hình $\geq 27"$ LED backlit; Full HD 1920*1080; Cảm ứng điện dung đa điểm, vỏ thép Openframe, Cổng kết nối: $\geq 01 \times$ USB, $\geq 01 \times$ HDMI, $\geq 01 \times$ DVI, $\geq 01 \times$ VGA, $\geq 02 \times$ Audio.		
		- Máy tính điều khiển: Loại máy bộ độc lập, chống nhiễu từ.		
		• Đi kèm windows bản quyền		
		• Hiệu năng tương đương Intel® Core™ i3 10100 (6MB, up to 4.3Ghz); DDR4 8GB; SSD 120GB hoặc cao hơn		
		• Kết nối: $\geq 01 \times$ VGA, $01 \times$ HDMI; $\geq 01 \times$ Display port; $\geq 01 \times$ USB type C; $\geq 06 \times$ USB (2.0, 3.0); $\geq 01 \times$ Cổng kết nối đa năng 80 pins có thể kết nối đến các màn hình chuyên dụng; $\geq 02 \times$ LAN RJ45 (Dual LAN), $\geq 02 \times$ audio; $\geq$ Kensington lock x 1; $\geq$ Wifi 802.11 AC;		
		- Máy in: In nhiệt, khổ 80mm, Tốc độ in: ≥ 200 mm/s; cắt giấy tự động, có dải đèn LED 80mm phía trước nhấp nháy báo người dùng sau khi in xong, Điều khiển thay giấy bằng mô tơ điện tự động, cửa thay giấy phía trước.		
		- Đầu đọc mã vạch, Qrcode, tối thiểu có:		
		• Đọc các loại mã vạch 1D, 2D Qrcode, thẻ BHYT, đọc CCCD tiếng Việt có dấu.		
		• Đọc tự động khi có mã vạch vào vùng đọc.		
		- Đầu đọc thẻ CCCD/CC gắn chip		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		• Đọc CCCD bằng một động tác và giải mã các trường thông tin tiếng Việt		
		• Có tính năng xác thực sinh trắc học khuôn mặt, có thể chống khuôn mặt giả mạo từ điện thoại, ảnh (y/c camera). Có khả năng chống thẻ giả, thẻ sao chép		
		• Hỗ trợ dữ liệu DSCert để xác minh qua trung tâm CSDL Quốc gia về dân cư (BCA)		
		- Camera nhận diện khuôn mặt, tối thiểu có		
		• Độ phân giải Full HD, lấy nét tự động, hỗ trợ sinh trắc học khuôn mặt.		
		- Tính năng điều khiển tự động, tối thiểu có:		
		• Máy tự động khởi động khi được cấp điện, tự khởi chạy chương trình chính sau khi khởi động và tắt vào cuối ngày.		
		• Tính năng phát hiện con người phía trước và tự động ra lệnh chuyển trạng thái kiosk, khoảng cách nhận diện đến 4m3.		
		- Khung sườn: Chất liệu thép, Kiểu dáng sang trọng, bền bỉ.		
		• Tạo hình bằng công nghệ Lazer CNC, sơn tĩnh điện.		
		• Vỏ máy có các kết nối Cổng LAN RJ-45, Cổng USB 2.0		
2.5	Màn hình hiển thị số xếp hàng	Màn hình hiển thị số xếp hàng	Cái	10
		Kích thước: ≥ 32 inch		
		Hệ điều hành: Android TV		
		Cổng kết nối: ≥ 2 x HDMI Inputs (1.4b); Ethernet Network		

TT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
		Phụ kiện: Giá treo tường		
2.6	Ổ cứng lưu trữ (12TB)	Ổ cứng lưu trữ (12TB)	Cái	4
		Dung lượng: $\geq 12\text{TB}$		
		Chuẩn kết nối: SATA		
		Cache: $\geq 512\text{MB}$		
2.7	Thuê lưu trữ hồ sơ bệnh án sau khi ký số trên cloud 1 năm dung lượng 2TB	Thuê lưu trữ hồ sơ bệnh án sau khi ký số trên cloud 1 năm dung lượng 2TB	Gói	1
		Dung lượng lưu trữ: $\geq 2\text{TB}$ - Hệ thống điện toán đám mây đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tối thiểu có: ISO 27001:2022 (INFORMATION SECURITY MANAGEMENT SYSTEM); ISO 27017:2015 (ISMS CLOUD SECURITY); ISO 9001:2015 (QUALITY MANAGEMENT SYSTEM); ISO 50001:2018 (ENERGY MANAGEMENT SYSTEM) Đáp ứng tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ PCI DSS. - Đáp ứng yêu cầu tính sẵn sàng và hoạt động liên tục cao mức TIER III. - Đảm bảo an toàn thông tin cấp độ 3.		
2.8	Đường truyền Leasedline Internet 1 năm băng thông 200Mbps	Đường truyền Leasedline Internet 1 năm băng thông 200Mbps	Gói	1
		Đường truyền Leasedline Internet băng thông trong nước cam kết tối thiểu $\geq 200\text{Mbps}$, băng thông quốc tế $\geq 5\text{Mbps}$		

2. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày.

3. Các thông tin khác: Hồ sơ báo giá bao gồm: Báo giá có đóng dấu hợp pháp của đơn vị, bản mô tả cấu hình cơ bản và thông số kỹ thuật chi tiết của từng thiết bị phù hợp với yêu cầu (bản word gửi vào email), catalog tiếng Anh + tiếng Việt tương ứng (bản cứng+bản mềm).

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia;
- Website bệnh viện;
- Lưu VT, QT-TBYT.



Trương Quang Vũ